

부터

từ — điểm bắt đầu về thời gian hoặc thứ tự

Đánh dấu nơi một việc bắt đầu. Tiếng Hàn tách chữ “từ” thành hai: 부터 dùng cho thời gian và thứ tự, 에서 dùng cho nơi chốn.

Cách kết hợp

Cách dùng	Đi cặp với	Ví dụ
Thời điểm bắt đầu	까지	세 시부터 다섯 시까지
Ngày bắt đầu, ngày tháng	까지	내일부터 시작해요
Đầu tiên theo thứ tự	—	저부터 할게요
Làm cái này trước	—	숙제부터 하세요
Nhấn mạnh, từ một nơi	에서부터	집에서부터 걸었어요
Chỉ nơi chốn thì dùng	thay bằng 에서	서울에서 왔어요 — không phải 서울부터

Khi nào dùng

부터 mang nghĩa “bắt đầu từ đây”. Thường gặp nhất là thời gian: 아홉 시부터 일해요. Nó kết hợp tự nhiên với 까지 để giới hạn một khoảng: 월요일부터 금요일까지.

Nó cũng đánh dấu mục đầu tiên trong thứ tự làm việc, giống “bắt đầu với” hay “trước” trong tiếng Việt: 저부터 시작할게요 (tôi đi trước), 숙제부터 하세요 (làm bài tập trước đã). Cách dùng này phổ biến nhưng ít khi được dạy sớm.

Ranh giới cần giữ là với 에서. Nơi mà bạn đi từ đó đến dùng 에서, không dùng 부터. Có thể gán cả hai để nhấn mạnh — 집에서부터 걸었어요 — nhưng chỉ dùng 부터 với nơi chốn là sai.

Ví dụ trong câu

- 1 수업은 아홉 시부터 시작해요.
Lớp học bắt đầu từ chín giờ.
- 2 월요일부터 금요일까지 일해요.
Tôi làm việc từ thứ Hai đến thứ Sáu.
- 3 저부터 말할게요.
Tôi sẽ nói trước.
- 4 어제부터 몸이 안 좋아요.
Từ hôm qua tôi đã thấy không khỏe.
- 5 이것부터 하세요.
Hãy bắt đầu với cái này.
- 6 처음부터 다시 해요.
Mình làm lại từ đầu nhé.

So sánh với

에서

Cả hai đều là “từ”. 에서 dùng cho nơi chốn, 부터 dùng cho thời gian và thứ tự. Dùng ngược là lỗi điển hình của người mới học.

서울에서 왔어요. (đến từ Seoul) / 세 시부터 기다렸어요. (đã đợi từ ba giờ)

까지

Dấu đóng khoảng. 부터 mở một khoảng và 까지 đóng lại. Với nơi chốn, cặp này trở thành 에서... 까지.

아침부터 저녁까지 / 집에서 학교까지

(으)로부터

Biến thể trang trọng trong văn viết nghĩa là “từ”, dùng cho nguồn thông tin và nguồn gốc. Xuất hiện trong tin tức và báo cáo, hiếm khi dùng khi nói.

정부로부터 발표가 있었습니다. / 친구한테서 들었어요.

Lưu ý

- X 서울부터 부산까지 갔어요.
O 서울에서 부산까지 갔어요.
Nơi chốn mở đầu khoảng bằng 에서, không phải 부터. Chỉ có 까지 ở cuối là dùng chung cho cả thời gian và nơi chốn.
- X 세 시에부터 기다렸어요.
O 세 시부터 기다렸어요.
부터 đã mang ý nghĩa thời gian nên không thêm 에. Giữ 에 cho một thời điểm đơn lẻ.
- X 세 시간부터 공부했어요.
O 세 시간 동안 공부했어요.
부터 đánh dấu thời điểm bắt đầu, không phải việc kéo dài bao lâu. Với khoảng thời gian, dùng 동안.